TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v tranh chấp:"Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiến Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Võ Hồng Đằng

2. Phạm Sơn Điền

***Thư ký phiên tòa*:** Chị Quân Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: Bà Đặng Vân Hoàng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 425/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp "*Ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 774a/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 834/2022/QĐST - HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Hồng B, sinh năm 1990.

Địa chỉ thường trú: 121, tổ 5, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Đặng Minh T, sinh năm 1988;

Địa chỉ thường trú: 121, tổ 5, ấp L, xã Ô, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, Bản tự khai ngày 13/4/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng B trình bày như sau:

Chị B và anh T trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau năm 2007 và đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 01

năm 2018 bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không hòa hợp, không ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Anh chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành và nay vợ chồng đang sống ly thân (từ tháng 01/2018 đến nay). Thấy rằng hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không còn nên chị B yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Đặng Minh T.

- Con chung: Chị B, anh T có 01 con chung tên là Đặng Thị Hồng T, sinh ngày 21/11/2009. Ly hôn, Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã niêm yết hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Đặng Minh T nhưng anh không đến Tòa án tham gia tố tụng và cũng không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:**

+ Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng, chuyển hồ sơ sang viện kiểm sát đúng quy định. Tuy nhiên vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 BLTTDS 2015. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS, đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến tòa để giải quyết. Tại phiên tòa nguyên đơn Chị B có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh T đã được triệu tập lần 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

+Về đường lối giải quyết vụ án:

Căn cứ vào điều 21, 262 BLTTDS 2015; điều 9, điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000; điều 8, 9, 56, 58 Luật hôn nhân gia đình 2014 đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng B. Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Hồng T, sinh ngày 21/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng B trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đặng Minh T tạm thời không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Chị B khai không có nên không xem xét, giải quyết. Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án và các bên được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ, các biên bản xác minh có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng B có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Đặng Minh T đã được tống đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử theo quy định là phù hợp.

[2].Về thẩm quyền giải quyết vụ án, quan hệ tranh chấp và tư cách đương sự: Chị Nguyễn Thị Hồng B xin ly hôn với anh Đặng Minh T. Anh T hiện có đăng ký tạm trú tại Khu phố M, thị trấn H, huyện N, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện N có thẩm quyền giải quyết vụ án. Quan hệ pháp luật được xác định là "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*". Căn cứ Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng B, bị đơn là anh Đặng Minh T.

[3]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị Hồng B chung sống từ năm 2007 và đăng ký kết hôn với anh Đặng Minh T vào năm 2009 trên cơ sở tự nguyện tại UBND xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 01, quyển số 01, ngày 18/02/2009) nên căn cứ điều 9, điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000 hôn nhân trên được xem là hợp pháp. Nay Chị B xin ly hôn với anh T vì vợ chồng hết tình cảm, không còn khả năng hòa giải đoàn tụ.

Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 06/12/2021, Bản tự khai ngày 13/4/2022, các biên bản xác minh ngày 15/7/2022 xác định nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng Chị B, anh T bất đồng quan điểm, thường xuyên gây gổ cãi vã, dù đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Hiện nay, anh chị đang ly thân (từ tháng 01/2018 đến nay). Nhận thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh T đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nênviệc chấp nhận cho Chị B được ly hôn với anh T là phù hợp pháp luật.

[4]. Về con chung: Theo lời khai của Chị B và biên bản xác minh ngày 15/7/2022 thì anh chị có 01 con chung là Đặng Thị Hồng T, sinh ngày 21/11/2009. Khi ly hôn, Chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét việc giao con chưa thành niên cho ai nuôi dưỡng khi ly hôn cần căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Hiện Chị B có công việc ổn định, có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu T, hơn nữa cháu T cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Xét thấy cháu T là con gái cần được sự chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử giao con chung Đặng Thị Hồng T cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Chị B không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh T có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[5]. Tài sản chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]. Nợ chung: Các đương sự khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị B phải chịu toàn bộ án phí HNGĐ theo quy định.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điều 9, điều 11 Luật hôn nhân gia đình 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng B về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" đối với bị đơn anh Đặng Minh T.

1. Xử: Cho chị Nguyễn Thị Hồng B được ly hôn với anh Đặng Minh T.

2.Về con chung: Giao cháu Đặng Thị Hồng T, sinh ngày 21/11/2009 cho chị Nguyễn Thị Hồng B trực tiếp nuôi dưỡng, tạm thời anh Đặng Minh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi vị trí nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung: Không có nên không xem xét, giải quyết

4. Về nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng B phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị Nguyễn Thị Hồng B đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0007088 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh Đồng Nai sang thi hành án phí.

6.Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Tòa án tỉnh; Thi hành án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND xã nơi ĐKKH;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Tiến Nghĩa